

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

Mẫu 02/NCCNN  
(Kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30  
tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Form No: 02/NCCNN  
(Along with Circular No. 89/2026/TT-BTC dated 30<sup>th</sup>  
Jul 2026 of the Minister of Finance)

**TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM**

*(Dành cho nhà cung cấp ở nước ngoài kê khai trực tiếp với cơ quan thuế)*

**TAX DECLARATION FOR E-COMMERCE BUSINESS IN VIET NAM**

*(For foreign providers who declare directly with tax authorities)*

**[01] Kỳ tính thuế:** ☐ Tháng.....năm ..... ☐ Theo từng lần phát sinh ngày ... tháng.....năm .....

**Tax period:** Month.... Year.... / Per occurrence

**[02] Lần đầu: ☺**

**First time**

**[03] Điều chỉnh lần thứ: ☹**

**Time of adjustment**

**[04] Tên người nộp thuế:**.....

*Name of taxpayer:*

**[05] Mã số thuế:**.....

*Tax identification number:*

**[06] Địa chỉ:**..... **[07] Quốc gia nơi thành lập doanh nghiệp:**.....

*Postal address:*

*Country in which business is established:*

**[08] Điện thoại:** ..... **[09] E-mail:** .....

*Tel:*

*E-mail*

**[10] Đồng tiền nộp thuế:** . . .

*Payment currency:*

**[11] Quốc gia có Hiệp định với Việt Nam:** ☐ Có ☐ Không

*From a country which signed a Double Tax Agreement with Viet Nam: Yes No*

**[12] Tên tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền (nếu có):** .....

*Name of tax agent, authorized organization (if any)*

**[13] Mã số thuế của tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền:** .....

*Tax identification number of tax agent, authorized organization:*

**[14] Địa chỉ của tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền:** .....

*Address of tax agent, authorized organization:*

**[15] Điện thoại của tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền:** .....

*Tel of tax agent, authorized organization:*

**[16] E-mail của tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền:** .....

*E-mail of tax agent, authorized organization:*

**A. Đối với trường hợp doanh thu phát sinh tại Việt Nam***(Doanh thu từ cung cấp dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa mà không tách riêng được)***A. In terms of revenue generated in Viet Nam***(Revenue generated from services supply or services are associated to goods which can not be separated)**Đơn vị tiền/Currency : .....*

| Nội dung<br>Contents         | Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)<br>Value-Added Tax     |                                                                                                                                                           |                                                         |                                      | Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)<br>Corporate Income Tax |                                                                                                                                                 |                                                              |                                                                                                                   |                                            | Tổng số thuế nộp<br>vào NSNN<br>Total tax payable |
|------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------|
|                              | Giá tính thuế<br>Taxable value<br>subject to<br>VAT | Giá tính thuế<br>bên Việt Nam đã<br>khấu trừ, nộp<br>thay<br>Taxable value<br>from which<br>Vietnamese<br>counter-party<br>withheld tax<br>before payment | Thuế suất (tỷ<br>lệ) thuế<br>GTGT<br>Deemed VAT<br>rate | Thuế GTGT<br>phải nộp<br>VAT payable | Doanh thu<br>tính thuế<br>Revenue<br>subject to<br>CIT    | Doanh thu bên<br>Việt Nam đã<br>khấu trừ, nộp<br>thay<br>Revenue from<br>which<br>Vietnamese<br>counter-party<br>withheld tax<br>before payment | Tỷ lệ % thuế<br>TNDN trên<br>doanh thu<br>Deemed CIT<br>rate | Số thuế được miễn<br>giảm theo Hiệp định<br>Tax amount<br>exempted or<br>reduced under<br>Double<br>Tax Agreement | Thuế<br>TNDN<br>phải nộp<br>CIT<br>payable |                                                   |
| (1)                          | (2)                                                 | (3)                                                                                                                                                       | (4)                                                     | $(5) = \{(2) - (3)\} \times (4)$     | (6)                                                       | (7)                                                                                                                                             | (8)                                                          | (9)                                                                                                               | $(10) = \{(6) - (7)\} \times (8) - (9)$    | $(11) = (5) + (10)$                               |
|                              |                                                     |                                                                                                                                                           |                                                         |                                      |                                                           |                                                                                                                                                 |                                                              |                                                                                                                   |                                            |                                                   |
|                              |                                                     |                                                                                                                                                           |                                                         |                                      |                                                           |                                                                                                                                                 |                                                              |                                                                                                                   |                                            |                                                   |
|                              |                                                     |                                                                                                                                                           |                                                         |                                      |                                                           |                                                                                                                                                 |                                                              |                                                                                                                   |                                            |                                                   |
| <b>Tổng cộng:<br/>Total:</b> |                                                     |                                                                                                                                                           |                                                         | <b>[17]</b>                          |                                                           |                                                                                                                                                 |                                                              |                                                                                                                   | <b>[18]</b>                                | <b>[19]</b>                                       |

Tổng số thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp kỳ này *(Viết bằng chữ)*: .....*Total amount of VAT and CIT payable this period (In words):*

**B. Đối với trường hợp giao dịch hàng hóa phát sinh tại Việt Nam**  
**B. In terms of goods transactions carried out in Viet Nam**

*Đơn vị tiền/Currency:....*

| Nội dung<br>Contents         | Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)             |                                                                                                                                  |                                                           |                                                                                                             |                                   |
|------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|                              | Doanh thu tính thuế<br>Revenue subject to CIT | Doanh thu bên Việt Nam đã khấu trừ,<br>nộp thay<br>Revenue from which Vietnamese<br>counter-party withheld tax before<br>payment | Tỷ lệ % thuế<br>TNDN trên doanh<br>thu<br>Deemed CIT rate | Số thuế được miễn giảm theo<br>Hiệp định<br>Tax amount exempted or<br>reduced under Double Tax<br>Agreement | Thuế TNDN phải nộp<br>CIT payable |
| (1)                          | (2)                                           | (3)                                                                                                                              | (4)                                                       | (5)                                                                                                         | (6)={ (2)-(3) } x (4)-(5)         |
|                              |                                               |                                                                                                                                  |                                                           |                                                                                                             |                                   |
|                              |                                               |                                                                                                                                  |                                                           |                                                                                                             |                                   |
|                              |                                               |                                                                                                                                  |                                                           |                                                                                                             |                                   |
| <b>Tổng cộng:<br/>Total:</b> |                                               |                                                                                                                                  |                                                           |                                                                                                             | <b>[20]</b>                       |

Tổng số thuế TNDN phải nộp kỳ này (viết bằng chữ):.....

*Total amount of CIT payable this period (In words)*

File đính kèm/Attachments: .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

*I hereby commit that the above declared data is correct and take legal responsibility for the declared data./.*

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC  
 VỀ THUẾ HOẶC BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (nếu có)**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:/.....

**TAX AGENT STAFF OR AUTHORIZED PARTY (if any)**

Full name: .....

Practitioner Certificate number: .....

....., ngày... tháng... năm .....

*Date month year*

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  
 ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ  
 TAXPAYER or**

**THE LEGAL REPRESENTATIVE OF TAX PAYER**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/

Ký điện tử)

(Signature, full name; Title, and seal (if any)/Digital signature)